

V/v khai thác Kế hoạch kiểm tra năm 2023

Kính gửi:

- Văn phòng Viện KSND tối cao, Vụ 9, Vụ 12 Viện KSND tối cao;
- Viện trưởng Viện KSND cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện trưởng VKSND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương.

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-VKSTC ngày 27/12/2022 của Viện trưởng Viện KSND tối cao về công tác kiểm tra của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2023, Viện KSND tối cao xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại tố cáo trong hoạt động tư pháp.

Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động và các việc khác theo quy định của pháp luật (Vụ 10) đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thuộc VKSND tối cao có liên quan; Viện trưởng VKSND cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện trưởng VKSND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương khai thác Kế hoạch kiểm tra trên Cổng thông tin điện tử của Viện KSND tối cao ([website: vksndtc.gov.vn](http://vksndtc.gov.vn), mục **Thông báo**) để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện trong đơn vị ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo VKSND tối cao (để báo cáo);
- VP VKNSTC (để phối hợp);
- Lãnh đạo Vụ 10;
- Lưu: VT, V10.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC
VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KINH DOANH,
THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

(Đã ký)

Lê Tiến

Số: 17/KH-VKSTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp

Căn cứ Quy chế công tác kiểm tra trong ngành Kiểm sát nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-VKSTC-T1 ngày 30/3/2016 của Viện trưởng VKSND tối cao;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 02/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2023;

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-VKSTC ngày 27/12/2022 của Viện trưởng VKSND tối cao về công tác kiểm tra của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thông qua công tác kiểm tra nhằm đánh giá đúng tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của Viện kiểm sát cấp dưới trong việc quán triệt, triển khai, thực hiện Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 02/12/2022 của Viện trưởng VKSND tối cao về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2023 và các Chỉ thị chuyên đề của Viện trưởng VKSND tối cao, qua đó đánh giá những ưu điểm, kịp thời phát hiện hạn chế, thiếu sót, tồn tại, xác định nguyên nhân, đề ra biện pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để nâng cao chất lượng công tác, đảm bảo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023.

2. Yêu cầu

- Công tác kiểm tra phải bảo đảm linh hoạt, thiết thực, hiệu quả, đánh giá đầy đủ, khách quan, chính xác, trung thực kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được kiểm tra. Qua kiểm tra, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ những

khó khăn, vướng mắc đối với các đơn vị được kiểm tra; tổng hợp nghiên cứu báo cáo Lãnh đạo VKSND tối cao kiến nghị đối với các cơ quan tư pháp và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với một số vấn đề vướng mắc, bất cập (nếu có).

- Tập trung kiểm tra kết quả thực hiện những chỉ tiêu, nhiệm vụ do Quốc hội giao và của Ngành quy định; kiểm tra những đơn vị còn nhiều hạn chế yếu kém; kết thúc kiểm tra, đơn vị chủ trì kiểm tra ban hành kết luận kiểm tra; thông báo rút kinh nghiệm cho các đơn vị trong toàn Ngành (nếu xét thấy cần thiết).

- Việc tổ chức, thực hiện kiểm tra phải đúng quy định của Quy chế về công tác kiểm tra trong ngành Kiểm sát nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-VKSTC-T1 ngày 30/3/2016 của Viện trưởng VKSND tối cao; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị thực hiện việc kiểm tra; tránh chồng chéo, gây lãng phí, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các đơn vị được kiểm tra.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, THỜI ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

1.1. Kiểm tra việc triển khai thực hiện các Chỉ thị của Viện trưởng VKSND tối cao, gồm: Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 02/12/2022 về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2023; Chỉ thị số 07/CT-VKSTC ngày 06/8/2021 về tiếp tục tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hành chính, vụ việc dân sự, Chỉ thị số 05/CT-VKSTC ngày 18/10/2022 về việc thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự và những việc khác theo quy định của pháp luật; Chỉ thị số 04/CT-VKSTC ngày 28/7/2017 về tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ của VKSND tối cao.

1.2. Kiểm tra, đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân.

1.3. Kiểm tra các bản án, quyết định bị Tòa án xét xử tuyên hủy, sửa có trách nhiệm của Viện kiểm sát; việc thực hiện các giải pháp để nâng cao tỷ lệ xử lý, giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm.

1.4. Kiểm tra, đánh giá trách nhiệm của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hành chính liên quan

đền đất đai, khiếu kiện đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư; trong việc phát hiện vi phạm và kháng nghị phúc thẩm, nhất là đối với kháng nghị phúc thẩm án hành chính.

1.5. Kiểm tra hồ sơ kiểm sát, báo cáo đề xuất, bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phiên họp nhất là các vụ án tranh chấp, khiếu kiện về đất đai, tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

1.6. Kiểm tra công tác kiến nghị, kháng nghị trong kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình; vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật. Việc ban hành kiến nghị trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền.

1.7. Kiểm tra việc thực hiện công tác tiếp công dân, gắn công tác tiếp công dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật; tổ chức đối thoại khi giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, nhất là đối với những vụ việc phức tạp, bức xúc, kéo dài.

2. Đối tượng kiểm tra

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, VKSND cấp huyện (danh sách các đơn vị được kiểm tra sẽ thông báo sau).

3. Thời điểm kiểm tra

Số liệu, kết quả báo cáo phục vụ kiểm tra theo các nội dung trên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, cấp tỉnh và cấp huyện từ 01/12/2022 đến thời điểm kiểm tra. Đoàn kiểm tra có thể xem xét, kiểm tra đối với các vụ, việc đã được giải quyết trước hoặc sau thời điểm kiểm tra có liên quan đến việc triển khai thực hiện kế hoạch và các hoạt động nghiệp vụ của các khâu công tác nêu trên.

4. Phương pháp kiểm tra

Việc kiểm tra được tiến hành theo phương pháp trực tiếp, gián tiếp hoặc kết hợp cả hai hình thức.

5. Thời gian kiểm tra

Công tác kiểm tra dự kiến tiến hành vào tháng 8/2023 và hoàn thành trước ngày 20/10/2023. Trưởng đoàn kiểm tra sẽ thống nhất với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (đơn vị được kiểm tra) về thời gian cụ thể.

6. Thành phần đoàn kiểm tra

Lãnh đạo Vụ, Kiểm sát viên cao cấp, các thành viên khác của Vụ 9, Vụ 10 và Vụ 12 VKSND tối cao. Đoàn kiểm tra do đơn vị Vụ 9, Vụ 10, Vụ 12 VKSND tối cao chủ trì thành lập.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn công tác của Ngành, trên cơ sở báo cáo của các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và việc nắm tình hình, kết quả công tác của các đơn vị Viện kiểm sát cấp dưới, các đơn vị Vụ 9, Vụ 10, Vụ 12 VKSND tối cao đề xuất Viện trưởng VKSND tối cao Quyết định thành lập đoàn kiểm tra tại một số đơn vị và có thông báo cho các đơn vị được kiểm tra.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được kiểm tra (sau khi nhận được thông báo) căn cứ Kế hoạch này và yêu cầu của các Đoàn kiểm tra để xây dựng báo cáo phục vụ công tác kiểm tra (nội dung báo cáo theo đề cương gửi kèm thông báo) và gửi trước cho Đoàn kiểm tra khi được thông báo thời gian kiểm tra.

- Khi tiến hành kiểm tra tại các Viện kiểm sát, Đoàn kiểm tra căn cứ báo cáo của lãnh đạo đơn vị được kiểm tra, trực tiếp kiểm tra hồ sơ, sổ sách, văn bản, tài liệu về từng lĩnh vực công tác được kiểm tra; trực tiếp kiểm tra từ 01 đến 02 đơn vị Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện (tại đơn vị cấp tỉnh được kiểm tra; do Trưởng Đoàn kiểm tra quyết định sau khi thống nhất với Lãnh đạo đơn vị được kiểm tra).

Thủ trưởng các đơn vị: Vụ 9, Vụ 10, Vụ 12 VKSND tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh được kiểm tra tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện kế hoạch này để việc kiểm tra đạt chất lượng, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSTC (để b/cáo);
- Các đồng chí Phó Viện trưởng VKSND tối cao (để p/h chỉ đạo);
- Đ/c Vụ trưởng Vụ 9, Vụ 10, Vụ 12 (để t/h);
- Đ/c Viện trưởng VKS cấp cao 1,2,3 (để t/h);
- Đ/c Viện trưởng VKS các tỉnh, TP trực thuộc TW (để t/h);
- Văn phòng VKSTC (để theo dõi);
- Lưu: VT, V10.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Giảng

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG YÊU CẦU BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Kế hoạch kiểm tra số /KH-VKSTC ngày / /2023,
tình hình và số liệu lấy từ ngày 01/12/2022 đến thời điểm kiểm tra)

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, KIỂM TRA HƯỚNG DẪN VÀ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Kiểm tra đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; công tác kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp, trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 02/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2023 và hướng dẫn nghiệp vụ của Vụ 9, Vụ 10 và Vụ 12; công tác hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, chỉ đạo và điều hành công tác kiểm sát đối với VKSND cấp dưới trong các lĩnh vực công tác này. Việc tổ chức bộ máy và bố trí nguồn nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa hồ sơ kiểm sát. Công tác phối hợp, xây dựng thực hiện các quy chế phối hợp với TAND, Ủy ban nhân dân địa phương...

1. Đối với công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật

1.1. Việc xác định, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và khâu công tác đột phá. Việc triển khai, thực hiện chỉ tiêu nghiệp vụ của Ngành, chỉ tiêu Quốc hội giao theo quy định tại Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội. Việc thực hiện các chỉ thị của Viện trưởng VKSND tối cao đã ban hành: Chỉ thị số 03/CT-VKSTC ngày 28/12/2017 về tăng cường việc thỉnh thị, trả lời thỉnh thị, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc, thông báo rút kinh nghiệm trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; Chỉ thị số 07/CT-VKSTC ngày 06/8/2021 về tiếp tục tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hành chính, vụ việc dân sự; Chỉ thị số 05/CT-VKSTC ngày 18/10/2022 về việc thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự và những việc khác theo quy định của pháp luật; các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ của VKSND tối cao...

1.2. Kiểm tra, đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành

chính, vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Kiểm tra các bản án, quyết định bị Hội đồng xét xử tuyên hủy, sửa có trách nhiệm của Viện kiểm sát; việc thực hiện các giải pháp để nâng cao tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm.

1.4. Vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hành chính liên quan đến đất đai, khiếu kiện đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư; trong việc phát hiện vi phạm và kháng nghị phúc thẩm ngang cấp, nhất là đối với các vụ án hành chính...

1.5. Kiểm tra việc lập hồ sơ kiểm sát (việc thực hiện số hóa hồ sơ...) báo cáo đề xuất, bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phiên họp, nhất là các vụ án tranh chấp, khiếu kiện về đất đai, tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

1.6. Kiểm tra công tác kiến nghị, kháng nghị trong kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình; vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật.

1.6. Việc hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, chỉ đạo và điều hành thực hiện công tác kiểm sát đối với VKSND cấp dưới.

2. Đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp

2.1. Việc xác định nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, hoàn thành chỉ tiêu nghiệp vụ của Ngành; việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của Đảng và của Ngành trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; công tác quản lý, xử lý, phân loại việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của VKSND cấp cao, VKSND cấp tỉnh.

2.2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền.

2.3. Công tác kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật của VKSND cấp tỉnh đối với VKSND cấp huyện.

2.4. Việc hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, chỉ đạo và điều hành thực hiện công tác kiểm sát đối với VKSND cấp dưới.

II. TÌNH HÌNH, SỐ LIỆU VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SÁT

1. Tình hình (Nêu rõ tình hình khiếu kiện, tranh chấp và vi phạm trong việc giải quyết các vụ án hành chính; các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án; tình hình khiếu nại, tố cáo đối với hoạt động tư pháp).

2. Số liệu công tác Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính; vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (đối với VKSND cấp tỉnh yêu cầu tách riêng từng loại khiếu kiện hành chính, tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, bao gồm cấp huyện và cấp tỉnh; có so sánh với cùng kỳ năm trước)

2.1. Án cấp sơ thẩm

- Trả lại đơn khởi kiện;
- Tổng thụ lý (số cũ, số mới);
- Đã xử lý, giải quyết;
 - + Tạm đình chỉ;
 - + Đình chỉ;
 - + Công nhận sự thoả thuận theo tố tụng dân sự (đối với án kinh doanh thương mại, lao động); Quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án (đối với án hành chính);
 - + Đã xét xử (trong đó số đình chỉ giải quyết vụ án (lý do); số vụ án mà Tòa án quyết định trái quan điểm của VKS);
 - + Số vụ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phiên họp;
- Còn tồn chưa xử lý, giải quyết.

2.2. Án cấp phúc thẩm

- Tổng thụ lý (số cũ, số mới);
- Đã xử lý, giải quyết;
 - + Hoãn phiên tòa;
 - + Đình chỉ xét xử;
 - + Đã xét xử:

Trong đó: + Số vụ do VKS kháng nghị (Trong đó kháng nghị ngang cấp:, kháng nghị trên cấp:);

- + Số vụ xét xử chấp nhận kháng nghị của VKS;
- + Số vụ án bị hủy; Số vụ án bị sửa án; Số vụ án y án;
- + Tỷ lệ kháng nghị so với án hủy, sửa;
- + Tỷ lệ kháng nghị so với án hủy, sửa có lỗi của VKS;
- + Số vụ án báo cáo VKS cấp trên đề nghị kháng nghị;
- Còn tồn chưa xử lý, giải quyết.

2.3. Án cấp giám đốc thẩm, tái thẩm

- Công tác thụ lý và giải quyết án giám đốc thẩm, tái thẩm;
- Công tác kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm;
- Công tác thụ lý, xử lý, giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm (tỷ lệ xử lý, giải quyết đơn...).

3. Số liệu kiểm sát giải quyết vụ, việc phá sản (*đối với cấp tỉnh yêu cầu tách riêng từng loại, bao gồm cấp huyện và cấp tỉnh; có so sánh với cùng kỳ năm trước*)

3.1. Viện kiểm sát cấp huyện

- Tổng thụ lý (số cũ, số mới);
- Đã xử lý, giải quyết;
- Còn tồn chưa xử lý, giải quyết.

3.2. Viện kiểm sát cấp tỉnh

- Tổng thụ lý (số cũ, số mới);
- Đã xử lý, giải quyết;
- Còn tồn chưa xử lý, giải quyết.

3.2. Viện kiểm sát cấp cao

- Tổng thụ lý (số cũ, số mới);
- Đã xử lý, giải quyết;
- Còn tồn chưa xử lý, giải quyết.

4. Số liệu kiểm sát việc xem xét áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án cấp tỉnh, cấp huyện: *Số liệu yêu cầu nêu cụ thể từng biện pháp xử lý hành chính: Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Đưa vào trường giáo dưỡng. (Đối với biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” yêu cầu tách riêng theo độ tuổi từ 12-18 tuổi và từ 18 tuổi trở lên).*

4.1. Viện kiểm sát cấp huyện

- Tổng thụ lý;
- Đã xử lý, giải quyết;
- Còn tồn chưa xử lý, giải quyết.

4.2. Viện kiểm sát cấp tỉnh

- Tổng thụ lý;
- Đã xử lý, giải quyết;

- Còn tồn chưa xử lý, giải quyết.

5. Kết quả công tác kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính; vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật

5.1. Kết quả công tác kiểm sát

- Kiểm sát trả lại đơn khởi kiện (Số lượng văn bản trả lại đơn khởi kiện đã kiểm sát? Số kiến nghị đã ban hành);

- Kiểm sát thông báo thụ lý (Số lượng thông báo đã kiểm sát? Số kiến nghị đã ban hành);

- Kiểm sát quyết định tạm đình chỉ (Số lượng quyết định đã kiểm sát? Số kiến nghị, kháng nghị đã ban hành);

- Kiểm sát quyết định đình chỉ (Số lượng quyết định đã kiểm sát? Số kiến nghị, kháng nghị đã ban hành);

- Kiểm sát việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời? (Số kiến nghị, kháng nghị đã ban hành);

- Kiểm sát quyết định công nhận thoả thuận của đương sự (đối với án dân sự, kinh doanh thương mại, lao động), quyết định công nhận kết quả đối thoại thành và đình chỉ giải quyết vụ án (đối với án hành chính);

- Kiểm sát xét xử tại phiên toà;

- Kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm (bao gồm cả cấp huyện và cấp tỉnh), giám đốc thẩm, tái thẩm.

5.2. Thực hiện thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị

- Số VKS yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ;

- Số VKS tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ;

- Số kiến nghị được ban hành (bao gồm cả cấp huyện và cấp tỉnh đối với cấp tỉnh); kết quả: Chấp nhận, không chấp nhận;

- Số kháng nghị được ban hành (bao gồm cả cấp huyện và cấp tỉnh đối với cấp tỉnh); kết quả: Chấp nhận, không chấp nhận;

5.3. Tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm

Số phiên tòa rút kinh nghiệm:

+ Phiên tòa rút kinh nghiệm trực tuyến

+ Phiên tòa rút kinh nghiệm trực tiếp

(Bao gồm cấp huyện và cấp tỉnh đối với cấp tỉnh);

5.4. Công tác hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ, tổ chức hội nghị, hội thảo

- Số thông báo rút kinh nghiệm;
- Số văn bản trả lời thỉnh thị;
- Số văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;
- Công tác kiểm tra đối với Viện kiểm sát cấp dưới;
- Số hội nghị, hội thảo, tập huấn được tổ chức.

5.5. Kết quả thực hiện chỉ tiêu nghiệp vụ của Ngành, chỉ tiêu Quốc hội giao theo quy định tại Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội;

Ngoài các nội dung trên, xét thấy có nội dung, vụ việc cần thiết phải báo cáo thì đơn vị được kiểm tra báo cáo kết quả đã thực hiện cùng những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất với đoàn kiểm tra.

6. Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp

6.1. Đối với VKSND cấp tỉnh (báo cáo kết quả 2 cấp, trong đó phân tích kết quả của cấp tỉnh và cấp huyện)

6.1.1. Tiếp công dân

Số lượt công dân VKS 2 cấp đã tiếp:..... lượt. Trong đó:

- VKSND tỉnh tiếp lượt, lãnh đạo VKSND tỉnh tiếp lượt
- Các VKSND cấp huyện tiếp lượt, lãnh đạo VKSND cấp huyện tiếp ... lượt.

6.1.2. Công tác tiếp nhận, quản lý, xử lý đơn

- Tổng số đơn đã nhận:... Trong đó:

+ Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết:đơn/ việc (khiếu nại: đơn/ việc; tố cáo: đơn/ việc; kiến nghị, phản ánh: đơn/ việc).

+ Đơn thuộc thẩm quyền kiểm sát việc giải quyết: đơn/ việc

+ Đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết và kiểm sát việc giải quyết.

6.1.3. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền

- Tổng số thụ lý: đơn/ việc (tỉnh:....., huyện....), trong đó:

+ Khiếu nại: đơn/ việc (tỉnh....., huyện....);

+ Tố cáo: đơn/ việc (tỉnh....., huyện....);

+ Kiến nghị, phản ánh: đơn/ việc (tỉnh..., huyện....);

- Giải quyết: đơn/ việc (tỉnh....., huyện....);

- Đang giải quyết: đơn/ việc (quá hạn: đơn/ việc).

6.1.4. Kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật

- Tiếp nhận: đơn/ việc;

- Đủ điều kiện thụ lý, kiểm tra: đơn/ việc;

+ Đã kiểm tra, ban hành kết luận: , kết quả:

+ Đang xem xét, kiểm tra: đơn.

6.1.5. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp

- Kiểm sát trực tiếp: cuộc (tỉnh: , huyện:).

- Kiểm sát vụ việc: ...đơn/ vụ việc;

- Các biện pháp kiểm sát khác.

6.1.6. Kiểm tra, hướng dẫn, trả lời thỉnh thị, thông báo rút kinh nghiệm đối với cấp dưới

Ngoài các nội dung trên, xét thấy có nội dung cần thiết phải báo cáo thì VKSND hai cấp báo cáo kết quả đã thực hiện cùng những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất với Đoàn kiểm tra.

6.2. Đối với VKSND cấp cao

6.2.1. Tiếp công dân

Số lượt tiếp công dân:..... lượt;

Trong đó: Lãnh đạo VKSND tiếp lượt.

6.2.2. Công tác tiếp nhận, quản lý, xử lý, giải quyết đơn

- Tổng số đơn đã nhận:.....

Trong đó:

+ Đơn đề nghị kháng nghị GĐT, TT;

+ Đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết: đơn/ việc;

- Đã giải quyết:..... đơn/ việc (bao gồm: đơn đề nghị GĐT, TT; đơn khiếu nại, tố cáo);

- Đã xử lý:..... đơn/ việc (bao gồm: đơn đề nghị GĐT, TT; đơn khiếu nại, tố cáo);

- Còn chưa xử lý, giải quyết: đơn/..... việc.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SÁT

- Những kết quả đã đạt được;

- Những hạn chế, tồn tại;

- Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại;
- Những khó khăn, vướng mắc.

IV. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

- Giải pháp: Giải pháp để hoàn thành chỉ tiêu công tác năm 2023; Giải pháp nâng số lượng, chất lượng kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm; nâng tỷ lệ xử lý, giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm...
 - Kiến nghị (đối với VKS cấp trên, các cơ quan tư pháp và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có)).
-